

Thứ ba, ngày 13 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Chưa giữ được mốc 1250

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/4/2021		•	
Tuần 12/4-16/4/2021			•
Tháng 4/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc xanh trong phần lớn phiên sáng nhưng đã giảm dần trong khoảng thời gian còn lại và hiện đã trượt trở lại xuống dưới mốc 1250. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư suy giảm và chỉ còn 2/19 nhóm ngành tăng điểm mặc dù khối ngoại mua ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo nhận định hiện tại, những phiên giao dịch củng cố vùng giá mới sẽ tiếp tục diễn ra trước khi có xác lập vận động tăng giá tiếp tục.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1245 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/4/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: MSN_Tích cực (Trang 3)

Cập nhật BMP (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.12** điểm, đóng cửa **1248.33**. HNX-Index **-3.34** điểm, đóng cửa **292.19**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+8.37)**; **VHM (+0.88)**; **MSN (+0.74)**; **VPB (+0.47)**; **NVL (+0.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.15)**; **GAS (-0.95)**; **VCB (-0.88)**; **GVR (-0.88)**; **HPG (-0.87)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,422** tỷ đồng, **+2.2%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 23,470 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 20.36 điểm. Thị trường có **113** mã tăng, 46 mã tham chiếu và **312** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **126.79** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (283.4 tỷ)**, **MSN (107.9 tỷ)** và **NVL (57.2 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **59.26** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1248.33**
Giá trị: 20422.9 tỷ **-4.12 (-0.33%)**
Khối ngoại (ròng): 126.79 tỷ

HNX-INDEX **292.19**
Giá trị: 2711.28 tỷ **-3.34 (-1.13%)**
Khối ngoại (ròng): 59.26 tỷ

UPCOM-INDEX **83.13**
Giá trị: 1782.2 tỷ **-0.97 (-1.15%)**
Khối ngoại (ròng): -2.69 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	59.8	0.20%
Giá vàng	1,728	-0.28%
Tỷ giá USD/VND	23,071	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,461	0.09%
Tỷ giá JPY/VND	21,102	0.10%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	28.71%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	283.4	CTG	-120.6
MSN	107.9	MBB	-79.2
NVL	57.2	HPG	-70.9
VHM	38.0	GAS	-68.4
SSI	30.9	BID	-43.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật BMP	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	59.82	0.20%	0.80%	-8.90%	59.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	63.41	0.21%	1.10%	-8.10%	80.50%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	197.02	0.01%	0.20%	-7.70%	83.82%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1734.99	0.13%	-0.50%	0.50%	0.26%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.91	0.38%	-1.00%	-3.90%	63.30%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1385.75	0.27%	-2.30%	-1.90%	61.51%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	633.25	0.32%	3.30%	0.20%	13.28%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.90	-0.30%	6.80%	8.70%	26.83%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	205.93	-0.53%	-8.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.36	-0.32%	4.20%	-1.10%	32.07%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	130.00	0.66%	4.80%	-2.10%	3.71%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	8861.00	-0.73%	0.80%	0.90%	76.53%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	772.33	1.19%	-1.70%	10.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	814.49	0.86%	-1.50%	11.50%			
Nhôm	USD/ton	2262.00	-0.09%	1.60%	4.30%	52.89%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	154.89	2.45%	3.70%	7.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	86.20	0.82%	-6.20%	4.90%	37.92%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 33 US cent lên 63.28 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 38 US cent lên 59.70 USD/thùng.

- Mỹ đã tiêm phòng đầy đủ cho 22% dân số, trong khi Vương quốc Anh đã tiêm phòng đầy đủ được 11% dân số, còn Pháp được khoảng 6%.
- Giá dầu cũng được hỗ trợ tăng bởi phong trào Houthi của Yemen liên kết với Iran cho biết họ đã bắn 17 máy bay không người lái và hai tên lửa đạn đạo vào các mục tiêu của Saudi Arabia, trong đó có các nhà máy lọc dầu Saudi Aramco ở Jubail và Jeddah, nằm về phía Tây Saudi Arabia

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.6% xuống 1,732.14 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.7% xuống 1,732.70 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 2.6% lên 1,014 CNY/tấn. Quặng sắt hàm lượng 62% nhập khẩu giao tại cảng biển Trung Quốc là 172 USD/tấn ở phiên liền trước (9/4), tăng 1.5 USD so với phiên 8/4.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 2% xuống 4,985 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 2.1% xuống 5,265 CNY/tấn.
- Hãng Baoshan Iron & Steel của Trung Quốc đã thông báo nâng giá thép cán nóng và cán nguội cho các đơn hàng của tháng 5 thêm lần lượt 400 và 150 CNY/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Osaka giảm 8.3 JPY, tương đương 3.5%, xuống 226.5 JPY/kg. Tokyo hôm 12/4 đã bắt đầu một đợt phong tỏa khẩn cấp mới, kéo dài một tháng, nhằm ngăn chặn làn sóng lây nhiễm Covid-19 chủng mới có tốc độ lây lan rất nhanh, khi mà chỉ con hơn 100 ngày nữa sẽ bắt đầu Thế vận hội mùa Hè.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 3% xuống 13,460 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2021 tăng 0.85 US cent, tương đương 0.7%, lên 1.281 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn London duy trì tại 1,343 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn ICE giảm 0.11 US cent, tương đương 0.7%, xuống 15.35 US cent/lb.

	13/4	% 13/4	12/4	% 12/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1248.33	-0.33%	1252.45	1.69%	0.68%	5.65%
S&P 500			4127.99	-0.02%	1.23%	5.88%
HĐTL S&P500	4121.00	0.02%	4120.30	0.02%	1.40%	4.79%
Shang- hai	3396.47	-0.48%	3412.95	-1.09%	-2.48%	-1.17%
Euro Stoxx	3974.24	0.31%	3961.90	-0.43%	0.10%	4.04%

Phân tích kỹ thuật

MSN_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: MSN đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi điều chỉnh ngắn hạn về quanh khu vực 92. Thanh khoản tăng cao trong phiên hôm nay đã đẩy giá cổ phiếu đóng cửa tăng mạnh 2.5%. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu sẽ tiếp tục củng cố đà tăng. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của MSN nằm tại khu vực xung quanh 92. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 98.2, cắt lỗ nếu ngưỡng 89.1 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

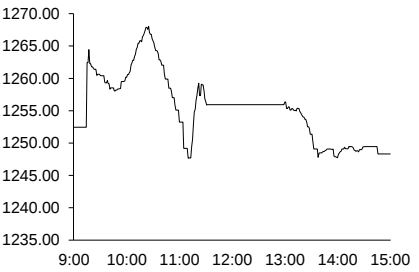
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-2.81%
Hóa chất	-2.39%
Bảo hiểm	-2.16%
Truyền thông	-2.11%
Dịch vụ tài chính	-2.07%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.93%
Tài nguyên Cơ bản	-1.83%
Dầu khí	-1.82%
Xây dựng và Vật liệu	-1.78%
Công nghệ Thông tin	-1.60%
Ngân hàng	-1.34%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.19%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.13%
Du lịch và Giải trí	-0.80%
Y tế	-0.46%
Bán lẻ	-0.23%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.09%
Bất động sản	2.13%

Hình 1

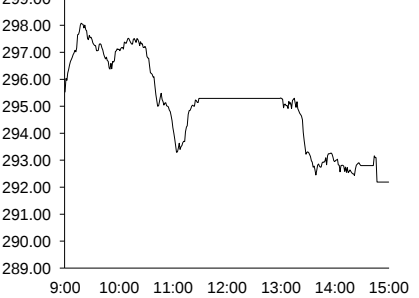
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	41.6	1	-1.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	80.7	4	-1.71%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	23.6	5	-5.22%	Có thể tiếp tục mua
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	35.3	6	-0.28%	Có thể tiếp tục mua
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	22.7	7	-4.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	97.5	8	-4.41%	Có thể tiếp tục mua
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	17.2	11	-0.58%	Có thể tiếp tục mua
4/1/2021	VNM	101	110	98	100	12	-0.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/31/2021	SAB	180	200	173	173.4	13	-3.67%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	34.9	14	3.10%	Có thể tiếp tục mua
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	24.7	15	-3.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	13.8	21	-4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	60.8	25	-0.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	28.3	26	-0.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	30.5	27	0.83%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	14.9	50	4.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	40	63	3.63%	Có thể tiếp tục mua
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	32.2	71	3.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.6	76	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

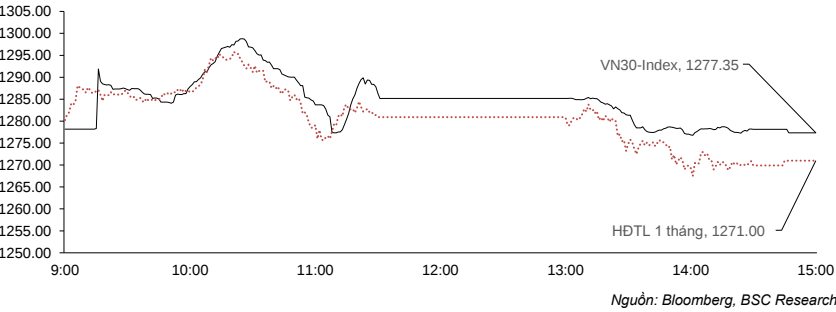
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	TP	19	15.65%
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	FS	16	25.68%
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	TP	20	12.44%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	TP	23	10.10%
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	SL	15	-6.49%
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	SL	21	-7.06%
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	TP	33	8.93%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	13	2.73%	-2.42%	-0.80%	24
Cổ phiếu đã chốt	129	64	13.41%	-8.04%	6.30%	28

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1271.00	-0.28%	-6.35	54.4%	190,047	4/15/2021	4
VN30F2105	1271.00	-0.06%	-6.35	227.5%	5,244	5/20/2021	39
VN30F2106	1271.40	-0.06%	-5.95	36.6%	254	6/17/2021	67
VN30F2109	1270.00	-0.27%	-7.35	11.6%	106	9/16/2021	158

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm nhẹ −0.84 điểm, xuống 1277.35 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VPB, HPG, STB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng trước khi điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch còn lại. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1245 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIC2005	6/11/2021	59	10:1	1,462,600	31.87%	1,500	3,950	30.36%	3,472	1.14	121,868	106,868	140,700
CVIC2004	4/27/2021	14	20:1	1,179,600	31.87%	1,000	2,090	28.22%	2,044	1.02	119,999	99,999	140,700
CMWG2016	6/10/2021	58	10:1	816,600	30.43%	1,700	3,190	2.90%	2,787	1.14	125,000	108,000	134,900
CNVL2003	6/11/2021	59	10:1	1,644,100	25.01%	1,000	3,420	2.70%	3,311	1.03	73,979	63,979	96,600
CVRE2013	7/30/2021	108	1:1	736,200	32.98%	5,000	8,970	1.93%	8,357	1.07	32,500	27,500	35,300
CHDB2007	4/27/2021	14	5:1	463,100	32.95%	1,300	3,710	1.09%	135	27.38	20,771	16,831	27,650
CVRE2014	5/4/2021	21	1:1	404,000	32.98%	4,600	8,000	0.63%	7,876	1.02	32,100	27,500	35,300
CSTB2010	6/11/2021	59	2:1	561,200	41.01%	1,100	5,800	-0.85%	5,396	1.07	14,199	11,999	22,700
CTCB2103	8/9/2021	118	2:1	337,200	34.76%	2,900	5,410	-1.64%	3,712	1.46	41,300	35,500	41,600
CHPG2014	4/19/2021	6	1:1	314,600	32.58%	7,200	35,480	-1.69%	23,621	1.50	27,570	21,680	50,100
CTCB2101	10/5/2021	175	1:1	121,900	34.76%	5,000	14,300	-2.05%	3,265	4.38	36,000	31,000	41,600
CTCB2012	7/30/2021	108	1:1	182,900	34.76%	5,400	20,150	-2.61%	19,907	1.01	27,400	22,000	41,600
CHPG2104	7/5/2021	83	3:1	193,100	32.58%	1,500	3,500	-2.78%	2,226	1.57	49,300	44,800	50,100
CMBB2010	6/14/2021	62	1:1	148,700	33.93%	4,600	15,500	-2.88%	15,229	1.02	20,600	16,000	31,100
CHPG2103	7/6/2021	84	2:1	434,800	32.58%	3,900	5,900	-2.96%	4,479	1.32	49,800	42,000	50,100
CHPG2018	5/14/2021	31	4:1	852,200	32.58%	1,200	5,200	-4.59%	5,055	1.03	34,799	29,999	50,100
CSTB2007	4/27/2021	14	2:1	443,900	41.01%	1,500	5,950	-5.56%	5,882	1.01	13,999	10,999	22,700
CSTB2014	6/14/2021	62	1:1	434,400	41.01%	3,800	10,910	-7.70%	10,796	1.01	15,800	12,000	22,700
CKDH2001	5/14/2021	31	4:1	214,500	31.03%	1,400	1,650	-8.33%	1,338	1.23	31,822	26,222	31,450
Tổng				10,945,600	33.72%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 13/4/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

• CVIC2005 và CVIC2004 tăng mạnh lần lượt là 30.36% và 28.22%. Trái lại, CSTB2017 và CSTB2016 giảm mạnh lần lượt là -11.90% và -9.49%. Giá trị giao dịch tăng 13.35%. CHPG2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.24% thị trường.

• CHPG2102, CHPG2105, CKDH2004, CVRE2015, và CSTB2017 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2011, CHPG2101, và CHPG2022 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CVPB2015, và CHPG2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	140.70	6.59	7.28
VPB	49.70	1.43	1.59
MSN	94.20	2.50	1.17
NVL	96.60	1.36	0.60
VHM	102.50	0.69	0.41

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	50.1	-2.15	-2.48
STB	22.7	-3.20	-1.59
TCB	41.6	-1.30	-1.55
MBB	31.1	-1.74	-1.14
FPT	80.7	-1.71	-1.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CTCP NHỰA BÌNH MINH – THEO DÕI – Giá hạt nhựa tăng ăn mòn lợi nhuận

Mã cổ phiếu: BMP (HSX), Vốn hóa: 5,034 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 81.86 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 60,300 VND, Sở hữu nước ngoài: 81.35%

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ

BSC đánh giá BMP là cổ phiếu hoạt động ổn định, dòng tiền tốt, lợi suất cổ tức cao ở mức 9-12% trong 3 năm gần nhất (năm 2020, BMP đã tạm ứng 4,840/ 6,320 đồng cổ tức tiền, tương đương lợi suất cổ tức 10%). Tăng trưởng về mặt sản lượng của BMP bình quân ở mức 5%/năm trong khi **lợi nhuận phụ thuộc lớn vào diễn biến giá hạt nhựa đầu vào và sẽ sụt giảm khi giá hạt nhựa tăng cao như thời điểm hiện tại.**

Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI đối với cổ phiếu BMP với giá mục tiêu là 67,422 đồng/CP dựa trên kết hợp phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF) và so sánh P/E (P/E mục tiêu là 10 lần) với tỷ trọng 50:50.

BMP đặt kế hoạch kinh doanh 2021 đi ngang trong bối cảnh giá PVC tăng cao. Cụ thể công ty đặt kế hoạch doanh thu 5,200 tỷ đồng (+10.6% YoY), sản lượng tiêu thụ: 115,000 tấn (+3.8% YoY), LNST đạt 523 tỷ đồng (+0% YoY). Ban lãnh đạo cho biết KH được xây dựng từ T1/2021 dựa trên các đánh giá về giá hạt nhựa của Tập đoàn mẹ (giá hạt nhựa PVC tại thời điểm đầu năm 2021 khoảng 1,100-1,200 USD/tấn). Trong bối cảnh giá hạt nhựa PVC tăng cao (từ đầu năm đến nay đã tăng gấp đôi mức bình quân 2020, hiện giao dịch tại 1,500-1,600 USD/tấn), việc hoàn thành kế hoạch là rất khó khăn. Đại diện của Nawaplastics cho biết kỳ vọng giá hạt nhựa (đặc biệt là PVC) sẽ giảm trong 2H2021 khi nguồn cung tăng lên, nhu cầu hạ nhiệt sẽ giúp BMP có khả năng hoàn thành kế hoạch.

Năm 2021, BMP đặt kế hoạch đầu tư 268 tỷ đồng, trong đó khoảng 120 tỷ là chuyển tiếp từ năm 2020 cho dự án tự động hóa khâu cấp liệu tại NM Long An, còn lại là đầu tư thiết bị, khuôn mẫu nhằm tăng cường năng lực sản xuất cho các nhà máy.

Kế hoạch cổ tức 2021 đặt ở mức tối thiểu 50% LNST. BSC tính toán dựa trên kế hoạch lợi nhuận của BMP, mức cổ tức dự kiến tối thiểu là 3,176 đồng/CP. Với lượng tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn lớn (chiếm trên 46% tổng tài sản của BMP tại 31/12/2020), công ty cho biết trong bối cảnh lãi suất ngân hàng thấp như hiện tại, công ty sẽ ưu tiên chi cổ tức tiền cho cổ đông (mức chia cổ tức 2020 tương ứng 99% LNST)

Kết quả kinh doanh Q1/2021 chỉ hoàn thành 16% kế hoạch lợi nhuận năm

- Doanh thu: 1,155 tỷ (+13% YoY) nhờ sản lượng đạt 25,584 tấn (+5% YoY) và giá bán tăng (trong Q1/2020, BMP đã nâng giá bán 2 lần, mức tăng 14% YTD)
- LNST: 84 tỷ (-18% YoY) do giá hạt nhựa PVC tăng làm biên lợi nhuận giảm.

Kết quả kinh doanh Q1 của BMP vẫn còn được hưởng lợi một phần từ tồn kho nguyên liệu trong 2020, sang đến Q2 tình hình kinh doanh sẽ khó khăn hơn do giá nguyên liệu tăng cao và việc tăng giá sẽ cản theo dõi thêm tình hình nhu cầu và cạnh tranh thị trường.

Dự báo kết quả kinh doanh

BSC dự báo doanh thu thuần của BMP năm 2021 đạt 5,744 tỷ (+23.2% YoY) dựa trên giả định sản lượng tiêu thụ đạt 116.3 nghìn tấn (+5% YoY), giá bán +20% YoY (tức sẽ tăng thêm 5% nữa trong thời gian tới) để phản ánh giá đầu vào tăng. Với giả định giá hạt nhựa đầu vào +30% YoY và chi phí cho kênh phân phối là 5% doanh thu (sau khi tăng vọt lên 7% doanh thu trong 2020), BSC dự báo lợi nhuận hoạt động EBIT của BMP đạt 682 tỷ (-2.3% YoY). LNST dự báo đạt 472 tỷ (-9.7% YoY), tương đương với EPS = 5, 693 đồng/CP, P/E fw = 10.7 lần (cao hơn 20% so với mức trung bình 5 năm của BMP là 8.8 lần).

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.9	0.0%	1.0	2,789	7.3	8,654	15.6	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	90.7	-1.2%	1.0	897	2.1	4,532	20.0	3.9	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	60.8	-2.6%	1.5	1,962	4.1	2,087	29.1	2.3	27.4%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	33.3	-1.5%	0.5	324	0.1	3,404	9.8	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	140.7	6.6%	0.7	20,692	30.9	1,689	83.3	5.8	14.5%	7.1%
VRE	Bất động sản	35.3	0.0%	1.1	3,488	18.2	1,048	33.7	2.7	30.6%	8.5%
VHM	Bất động sản	102.5	0.7%	1.1	14,660	18.0	8,314	12.3	3.9	22.9%	38.6%
DXG	Bất động sản	24.0	-3.8%	1.3	540	8.9	(956)		2.0	33.4%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	35.6	-2.5%	1.4	1,000	27.8	2,094	17.0	2.2	45.7%	13.1%
VCI	Chứng khoán	65.8	-2.7%	1.0	474	5.2	4,662	14.1	2.4	25.4%	17.9%
HCM	Chứng khoán	33.2	-4.0%	1.5	440	8.8	1,738	19.1	2.3	46.5%	12.1%
FPT	Công nghệ	80.7	-1.7%	0.9	2,750	7.2	4,520	17.9	4.0	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	75.5	-2.6%	0.4	898	0.0	5,165	14.6	4.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	86.0	-2.2%	1.3	7,157	5.1	4,102	21.0	3.4	2.7%	16.2%
PLX	Dầu khí	54.9	-1.8%	1.5	2,969	3.5	723	75.9	3.2	16.3%	4.5%
PVS	Dầu khí	23.1	-2.1%	1.6	480	11.6	1,306	17.7	0.9	8.6%	5.1%
BSR	Dầu khí	16.7	-4.6%	0.8	2,251	19.2	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	98.6	-0.4%	0.4	561	0.1	5,443	18.1	3.6	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.9	-2.5%	0.7	339	1.7	1,765	11.3	1.0	13.9%	8.6%
DCM	Hóa chất	18.1	-0.6%	0.6	415	3.2	1,017	17.7	1.5	3.2%	8.7%
VCB	Ngân hàng	97.5	-1.4%	1.1	15,722	7.2	4,975	19.6	3.8	23.4%	21.1%
BID	Ngân hàng	43.7	-2.5%	1.3	7,633	7.6	1,740	25.1	2.3	17.0%	9.3%
CTG	Ngân hàng	42.1	-2.7%	1.3	6,807	28.0	3,678	11.4	1.8	26.4%	16.9%
VPB	Ngân hàng	49.7	1.4%	1.2	5,304	19.0	4,271	11.6	2.3	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	31.1	-1.7%	1.2	3,784	30.7	2,965	10.5	1.8	22.9%	19.2%
ACB	Ngân hàng	34.6	-1.6%	1.0	3,252	13.2	3,557	9.7	2.1	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	60.2	-2.1%	0.7	214	0.4	6,385	9.4	2.0	81.1%	21.2%
NTP	Nhựa	35.6	-0.8%	0.5	182	0.1	3,526	10.1	1.6	18.9%	16.1%
MSR	Tài nguyên	21.3	-1.4%	0.7	1,018	1.0	39	546.2	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	50.1	-2.1%	1.1	7,217	59.6	4,060	12.3	2.8	30.4%	25.2%
HSG	Thép	29.3	-3.3%	1.3	566	13.6	3,387	8.7	1.8	7.3%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	100.0	0.0%	0.7	9,087	16.6	4,770	21.0	6.7	55.8%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	173.4	-0.9%	0.8	4,835	1.3	7,064	24.5	5.6	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	94.2	2.5%	0.9	4,811	20.0	1,054	89.4	6.9	32.4%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.3	-1.1%	1.2	597	3.5	946	23.5	1.8	8.2%	7.4%
ACV	Vận tải	72.3	-1.0%	0.8	6,843	0.4	577	125.3	4.2	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	131.9	0.1%	1.1	3,004	2.9	132		4.6	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	32.1	-2.3%	1.7	1,976	1.5	(7,705)		7.2	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	34.9	-2.2%	1.0	457	4.6	1,149	30.4	1.8	37.5%	5.8%
PVT	Vận tải	17.5	-2.2%	1.3	246	3.1	2,068	8.5	1.2	12.3%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	91.9	-3.3%	1.0	639	1.4	8,257	11.1	3.8	3.7%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.0	-0.3%	0.4	682	0.3	1,340	26.1	2.5	6.6%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.3	-1.9%	0.9	303	0.8	1,592	11.5	1.3	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	68.8	-2.7%	1.0	222	3.3	4,158	16.5	0.6	45.2%	3.8%
CII	Xây dựng	24.7	-2.8%	0.5	256	2.6	1,030	24.0	1.2	32.5%	5.1%
REE	Điện	53.2	-0.7%	-1.4	715	1.9	5,250	10.1	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	27.2	-2.5%	-0.4	226	0.8	2,438	11.2	1.3	11.8%	13.8%
POW	Điện	13.9	-2.8%	0.6	1,410	10.4	1,010	13.7	1.1	3.8%	8.5%
NT2	Điện	22.1	-0.7%	0.5	277	0.7	2,095	10.5	1.5	15.6%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	40.0	-2.7%	1.1	817	13.4	478	83.7	1.9	21.8%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	56.3	0%	1.0	2,534	0.1			3.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	140.70	6.59	7.83	5.05MLN
MSN	94.20	2.50	0.72	4.86MLN
VHM	102.50	0.69	0.62	4.02MLN
VPB	49.70	1.43	0.46	8.74MLN
NVL	96.60	1.36	0.34	3.21MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.38	1.67MLN	1.11MLN
BID	0.00	-1.18	3.95MLN	607060
CTG	0.00	-1.14	15.12MLN	373600
HPG	0.00	-0.97	26.96MLN	192700
GAS	0.00	-0.97	1.36MLN	611640

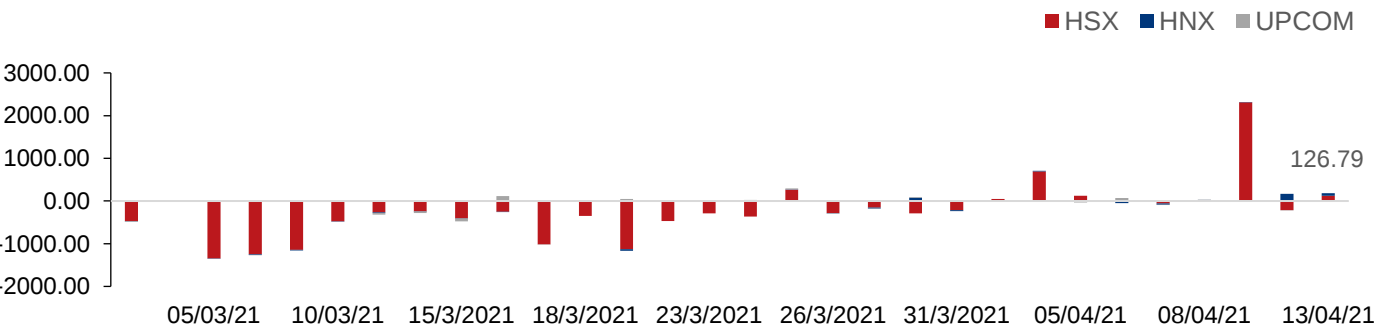
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	8.75	6.97	0.01	89200.00
HVX	5.84	6.96	0.00	15800
DTL	13.90	6.92	0.02	300
TGG	3.88	6.89	0.00	3.36MLN
HRC	63.80	6.87	0.03	400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	27.30	-6.98	-0.02	67200
VOS	4.29	-6.94	-0.01	2.83MLN
RIC	21.50	-6.93	-0.01	15900.00
PMG	31.10	-6.89	-0.03	6000
TCR	4.62	-6.67	0.00	24800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	17.0	1,387	12.3	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.6	3,557	9.7	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.3	577	125.3	4.2	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	30.0	4,043	7.4	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	42.1	3,678	11.4	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	56.9	13,724	4.1	1.4	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	68.1	5,734	11.9	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	117.4	6,245	18.8	4.4	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.9	1,765	11.3	1.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.3	2,158	13.1	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.0	-956		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	80.7	4,520	17.9	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	34.9	1,149	30.4	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.4	6,175	7.0	2.2	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	50.1	4,060	12.3	2.8	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	29.3	3,387	8.7	1.8	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.3	1,592	11.5	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	40.0	478	83.7	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	31.5	2,044	15.4	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	18.4			1.4	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.3	3,258	11.1	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	94.2	1,054	89.4	6.9	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	134.9	8,654	15.6	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	35.3	3,127	11.3	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.1	7,985	7.3	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	27.2	1,842	14.8	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	90.7	4,532	20.0	3.9	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.9	1,010	13.7	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	21.9	0	53.7	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.1	1,306	17.7	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	173.4	7,064	24.5	5.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.3	946	23.5	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	41.6	3,521	11.8	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.5	4,975	19.6	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.1	4,239	10.4	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	16.4	570	28.8	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.4	3,953	9.7	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	100.0	4,770	21.0	6.7	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	102.5	8,314	12.3	3.9	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	27.6	943	29.2	2.3	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.6	875	13.3	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	130.9	9,182	14.3	7.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	49.7	4,271	11.6	2.3	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	35.3	1,048	33.7	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	83.4	4,060	20.5	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639